

Sách Đa-ni-ên - Số năm mươi tư

Vén màn những ngày cuối cùng: Hành trình đi tìm sự hiểu biết của Daniel

Jeff Pippenger

2024-01-18

Chúng tôi đã kết thúc một bài viết gần đây bằng một đoạn trích từ “Các Tiên Tri và Các Vua”, trong đó Bà White chỉ ra rằng Đa-ni-ên đang tìm cách “hiểu mối liên hệ giữa thời kỳ lưu đày bảy mươi năm, như đã được Giê-rê-mi báo trước, với hai nghìn ba trăm năm mà trong Khải tượng ông nghe vị khách từ trời tuyên bố rằng sẽ trôi qua trước khi đền thánh của Đức Chúa Trời được thanh tẩy.”

"Qua một Khải tượng khác, thêm ánh sáng đã được rọi trên các biến cố của tương lai; và chính vào lúc kết thúc Khải tượng này, Đa-ni-ên nghe 'một vị thánh đang nói, và một vị thánh khác nói với vị thánh kia là người đang nói rằng: Khải tượng sẽ còn bao lâu?' Đa-ni-ên 8:13. Câu trả lời được đưa ra, 'Cho đến hai ngàn ba trăm ngày; bấy giờ đền thánh sẽ được thanh tẩy' (câu 14), khiến ông bối rối. Ông sốt sắng tìm hiểu ý nghĩa của Khải tượng. Ông không thể hiểu mối liên hệ giữa bảy mươi năm lưu đày, như đã được tiên báo qua Giê-rê-mi, với hai ngàn ba trăm năm mà trong Khải tượng ông nghe vị sứ giả từ trời tuyên bố sẽ trôi qua trước khi đền thánh của Đức Chúa Trời được thanh tẩy. Thiên sứ Gáp-ri-ên cho ông một phần giải nghĩa; tuy nhiên, khi nhà tiên tri nghe những lời: 'Khải tượng ... sẽ còn cho nhiều ngày,' ông đã ngất đi. 'Tôi, Đa-ni-ên, đã ngất xỉu,' ông ghi lại kinh nghiệm của mình, 'và đau ốm mấy ngày; sau đó tôi đứng dậy và làm công việc của vua; tôi kinh ngạc về Khải tượng, nhưng chẳng ai hiểu điều ấy.' Các câu 26, 27." Các Tiên tri và Các Vua, 553, 554.

Những người theo Miller chưa bao giờ đạt đến sự hiểu biết trọn vẹn về sứ điệp nền tảng mà họ đã rao giảng. Khi đến lúc Sư Tử của chi phái Giu-đa muốn ban thêm ánh sáng về “bảy lần”, họ chuyển sang tình trạng La-ô-đi-xê, và bảy năm sau thì hoàn toàn khước từ ánh sáng của “bảy lần”. Họ không bao giờ thấy trọn vẹn mối liên hệ giữa bảy mươi năm và hai nghìn ba trăm năm, điều mà Đa-ni-ên đã hết lòng tìm hiểu. Đa-ni-ên đại diện cho dân Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt.

Việc đất được hưởng các kỳ sa-bát là phần của giao ước đã ban cho Israel cô đại, trong đó có điều khoản cho đất đai nghỉ ngơi mỗi năm thứ bảy. Giao ước ấy bao gồm chu kỳ bảy năm lặp lại bảy lần. Nó bao gồm việc giải phóng và hoàn trả tài sản và nô lệ vào lúc kết thúc bảy chu kỳ bảy năm (bốn mươi chín năm), trong lễ kỷ niệm gọi là năm hân hi. Người Do Thái đã không vâng theo các nguyên tắc của giao ước đó, và sách 2 Sử Ký cho biết rằng bảy mươi năm lưu đày, điều được tiên tri Giê-rê-mi nói đến, tương trưng cho bốn trăm chín mươi năm trước đó của sự phản nghịch. Trong bốn trăm chín mươi năm ấy, nếu Israel cô đại đã vâng theo những chỉ dẫn trong giao ước như được nêu trong Lê-vi Ký chương hai mươi lăm, thì tổng cộng sẽ có bảy mươi năm mà đất được nghỉ. Một năm theo Kinh Thánh là ba trăm sáu mươi ngày, và ba trăm sáu mươi ngày nhân bảy (“bảy lần”) bằng hai nghìn năm trăm hai mươi ngày.

Bảy mươi năm hoàn toàn gắn liền với việc đất được nghỉ, và điều đó hoàn toàn gắn liền với "bảy lần." Đa-ni-ên đang tìm cách "hiểu mối liên hệ" giữa "bảy mươi năm lưu đày" và "hai nghìn ba

trăm năm" "trước khi đền thánh của Đức Chúa Trời được làm sạch." Vì vậy, ông đang tìm cách hiểu mối liên hệ giữa khái tượng "chazon" và khái tượng "mareh." Không thể hiểu mối liên hệ đó nếu không thừa nhận việc đất được nghỉ trong Lê-vi Ký hai mươi lăm và hai mươi sáu cùng với thời kỳ lưu đày bảy mươi năm mà Giê-rê-mi đã nói đến. Nếu bạn không tin rằng "bảy lần" đại diện cho một giai đoạn tiên tri dài hai nghìn năm trăm hai mươi năm, bạn tự loại mình khỏi những người được Đa-ni-ên đại diện trong thời kỳ sau rốt. Những người theo Miller tin rằng "bảy lần" là một lời tiên tri về thời gian, nhưng phong trào Cơ Đốc Phục Lâm thì nay không còn tin như vậy nữa.

Đa-ni-ên, cũng như mọi tiên tri, tiêu biểu cho dân sự của Đức Chúa Trời vào thời kỳ cuối cùng của thế gian; và những lời bình luận của Bà White về ước muốn của ông nhằm hiểu mối liên hệ giữa bảy mươi năm ("bảy lần") và hai nghìn ba trăm năm thể hiện ước muốn mà dân sự của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt phải có. Như đã nêu trong các bài viết trước, không có chân lý nào được trình bày trên các biểu đồ năm 1843 và 1850 mà không được (nhiều lần) xác nhận trực tiếp trong các trước tác của Bà White.

Những viên ngọc của Miller sẽ tỏa sáng rực rỡ gấp mười lần trong Tiếng Kêu Nửa Đêm của những ngày sau rốt, và như thế, những viên ngọc ấy đại diện cho bài thử cuối cùng dành cho các trinh nữ của Phong trào Phục Lâm. Những viên ngọc ấy chính là các lễ thật nền tảng được thể hiện trên các bảng của Ha-ba-cúc, và là những viên ngọc trong chiếc hộp được đặt trên một cái bàn ở giữa phòng của Miller. Bài thử nền tảng là bài thử cuối cùng; và thẩm quyền của Thần Linh của Lời Tiên Tri cũng vậy. Khước từ các lễ thật nền tảng, vốn được tượng trưng bằng những viên ngọc trong giấc mơ của Miller, là đồng thời khước từ Thần Linh của Lời Tiên Tri.

Sự lừa dối sau cùng của Sa-tan sẽ là vô hiệu hóa lời chứng của Thánh Linh của Đức Chúa Trời. "Nơi nào không có khái tượng, dân sự bị diệt vong" (Châm Ngôn 29:18). Sa-tan sẽ hoạt động cách xảo quyệt, bằng nhiều cách thức và qua nhiều tác nhân khác nhau, để làm lung lay sự tin cậy của dân sót lại của Đức Chúa Trời đối với lời chứng chân thật. Hắn sẽ đưa vào những khái tượng giả để đánh lừa, và sẽ pha trộn giả với thật, khiến người ta chán ghét đến nỗi họ xem mọi điều mang danh khái tượng như một dạng cuồng tín; nhưng những tâm hồn chân thật, bằng cách đối chiếu điều giả và điều thật, sẽ phân biệt được giữa chúng. Thông điệp Tuyển chọn, quyển 2, trang 78.

Chúng ta hiện đang bàn đến sự gia tăng hiểu biết đã diễn ra trong lịch sử của phong trào Millerite từ năm 1798 đến năm 1844, nhưng cũng nhận thấy rằng dù những người Millerite đúng trong các áp dụng tiên tri của họ, họ vẫn bị giới hạn bởi bối cảnh lịch sử trong đó họ được đẩy lên. Hiện nay chúng ta đang ở trong những ngày sau rốt, và trong thế hệ cuối cùng (thứ tư) của phong trào Phục Lâm. Trong giai đoạn này, cộng đồng Phục Lâm đã thấm nhuần những truyền thống và tập tục (những viên ngọc giả mạo) đến nỗi không còn biết các lễ thật nền tảng là gì. Việc không biết những lễ thật ấy là gì ngăn cản Phục Lâm hiểu được ý nghĩa của chúng, và khiến những mệnh lệnh lập đi lập lại nhằm bảo vệ và gìn giữ các lễ thật ấy trở nên vô nghĩa.

Trước khi chúng ta đi sâu hơn vào sự giải thích của Gáp-ri-ên về khái tượng sông Ulai, chúng ta sẽ đề cập đến một vài điểm liên quan đến các lễ thật nền tảng và thẩm quyền của Thần Khí của Lời Tiên Tri. Các nhà thần học hiện đại lập luận rằng đoạn văn sau đây chỉ ra rằng lời tiên tri về thời

gian dài nhất trong Kinh Thánh là hai nghìn ba trăm năm.

Kinh nghiệm của các môn đồ rao giảng “Tin Lành về Nước Trời” vào lần giảng lâm thứ nhất của Đấng Christ có nét tương đồng với kinh nghiệm của những người công bố sứ điệp về sự tái lâm của Ngài. Khi các môn đồ đi ra rao giảng: “Kỳ đã trọn, Nước Đức Chúa Trời đã đến gần,” thì Miller và các cộng sự của ông cũng công bố rằng kỳ hạn tiên tri dài nhất và sau cùng được nêu trong Kinh Thánh sắp mãn, rằng cuộc phán xét đã gần, và vương quốc đời đời sắp được thiết lập. Sự rao giảng của các môn đồ về thời điểm dựa trên bảy mươi tuần lễ trong Đa-ni-ên đoạn 9. Sứ điệp được Miller và các cộng sự của ông rao truyền loan báo sự chấm dứt của 2.300 ngày trong Đa-ni-ên 8:14, trong đó bảy mươi tuần lễ là một phần. Sự rao giảng của mỗi bên đều dựa trên sự ứng nghiệm của những phần khác nhau thuộc cùng một thời kỳ tiên tri vĩ đại ấy.

Giống như các môn đồ đầu tiên, William Miller và các cộng sự của ông chính họ đã không hoàn toàn hiểu hết ý nghĩa của sứ điệp mà họ mang theo. Những sai lầm đã tồn tại lâu dài trong hội thánh đã ngăn họ đi đến một sự giải thích đúng đắn về một điểm quan trọng trong lời tiên tri. Vì vậy, tuy họ đã rao truyền sứ điệp mà Đức Chúa Trời giao phó cho họ để truyền cho thế gian, nhưng do hiểu lầm ý nghĩa của nó, họ đã phải chịu sự thất vọng. Đại Tranh Chiến, 351.

Đoạn văn nói rằng: “Miller và các cộng sự của ông tuyên bố rằng giai đoạn tiên tri dài nhất và sau cùng được trình bày trong Kinh Thánh sắp kết thúc,” và các nhà thần học cho rằng giai đoạn tiên tri dài nhất và sau cùng là hai nghìn ba trăm năm. Họ còn khẳng định rằng đây chính là điều Bà White đang xác định trong đoạn văn, vì theo họ, bà đang trực tiếp đề cập đến khoảng thời gian hai nghìn ba trăm năm. Họ mù quáng trước bất kỳ mối liên hệ nào giữa thời kỳ bảy mươi năm và thời kỳ hai nghìn ba trăm năm. Họ mù quáng trước ánh sáng mà Daniel đã tìm cách hiểu.

Ellen White là một người theo phong trào Miller, và bà biết các thông điệp đã được trình bày trên biểu đồ tiên phong năm 1843, và trên biểu đồ tiên phong năm 1850 do F. D. Nichols xuất bản. Biểu đồ năm 1850, do Nichols thực hiện, đã được chuẩn bị tại nhà của Nichol, đúng vào lúc James và Ellen White đang sống cùng Nichols. Thời kỳ tiên tri dài nhất trong Kinh Thánh, được thể hiện trên cả hai biểu đồ đó, không phải là hai nghìn ba trăm năm, mà là "bảy lần" trong Lê-vi Ký 26.

Cho rằng đoạn văn trước đó là một sự xác định được linh hứng rằng hai nghìn ba trăm năm là thời kỳ tiên tri dài nhất và cuối cùng là khiến các trước tác của Bà White tự mâu thuẫn. Nếu bà tin điều mà các nhà thần học khẳng định về đoạn này, vậy thì việc bà tán thành các biểu đồ ủng hộ "bảy lần" có nghĩa là gì?

Tôi đã thấy rằng biểu đồ năm 1843 đã được bàn tay của Chúa hướng dẫn, và rằng nó không nên bị thay đổi; rằng các con số đúng như Ngài muốn; rằng tay Ngài đã bao phủ và che giấu một sai lầm trong một vài con số, đến nỗi không ai có thể thấy nó, cho đến khi tay Ngài được dời đi. Những Bài Viết Sớm, 74.

Những ai muốn bảo vệ truyền thống và những chuyện hoang đường của mình có thể lập luận rằng trên biểu đồ năm 1843, Chúa đã che tay Ngài lên lỗi về “bảy lần”, cho đến khi Ngài rút tay ra vào một thời điểm muộn hơn. Vấn đề với tiền đề đó là Bà White đã xác định khi nào Chúa rút tay Ngài khỏi các con số; Ngài đã rút tay trước ngày 22 tháng 10 năm 1844, ngay sau sự thất vọng đầu tiên.

Trong lời chứng của bà về sự kiện ấy, bà chỉ ra sai lầm đã được sửa, và rõ ràng sai lầm đó không phải là “bảy lần”.

Những người trung tín nhưng thất vọng, những người không thể hiểu vì sao Chúa của họ đã không đến, đã không bị bỏ mặc trong sự tối tăm. Một lần nữa, họ được dẫn dắt trở lại với Kinh Thánh để khảo cứu các thời kỳ tiên tri. Bàn tay của Chúa được cất khỏi các con số, và sai lầm đã được giải thích. Họ nhận ra rằng các thời kỳ tiên tri kéo dài đến năm 1844, và rằng chính những bằng chứng mà họ đã đưa ra để chứng minh rằng các thời kỳ tiên tri kết thúc vào năm 1843 lại chứng tỏ rằng chúng sẽ chấm dứt vào năm 1844. *Early Writings*, 237.

Khi “bàn tay của Chúa được cất khỏi các con số, và sai lầm được giải thích,” họ bấy giờ nhận ra “rằng cùng những bằng chứng mà họ đã đưa ra để cho thấy các kỳ hạn tiên tri kết thúc vào năm 1843, lại chứng minh rằng chúng sẽ chấm dứt vào năm 1844.” Những kỳ hạn tiên tri trước tiên được cho là sẽ kết thúc vào năm 1843 được trình bày trên biểu đồ năm 1843, là biểu đồ mà cả ba trăm nhà giảng đạo Millerite đều sử dụng. Những kỳ hạn tiên tri được trình bày trên biểu đồ ấy và được cho là kết thúc vào năm 1843 gồm có hai nghìn ba trăm năm của Đa-ni-ên chương tám, câu mười bốn; hai nghìn năm trăm hai mươi năm của Lê-vi Ký chương hai mươi sáu; và một nghìn ba trăm ba mươi năm của Đa-ni-ên chương mười hai. Sau lần thất vọng thứ nhất, Chúa đã cất tay Ngài khỏi sai lầm ấy và người Millerite nhận ra rằng cùng những bằng chứng xác định sự kết thúc của các kỳ hạn tiên tri vào năm 1843 thực ra chứng minh rằng các kỳ hạn ấy đã chấm dứt vào năm 1844.

Biểu đồ năm 1850 được sản xuất vào năm 1850 và được phát hành vào tháng Giêng năm 1851. Ellen White ghi lại rằng biểu đồ này cũng là sự ứng nghiệm của Habakkuk, như bà cũng đã ghi về biểu đồ năm 1843. Biểu đồ đó cũng biểu thị thời kỳ tiên tri dài nhất, tức là “bảy lần” trong Leviticus 26.

“Tôi thấy rằng Đức Chúa Trời ở trong việc xuất bản biểu đồ do Anh Nichols thực hiện. Tôi thấy rằng có một lời tiên tri về biểu đồ này trong Kinh Thánh, và nếu biểu đồ này được dành cho dân sự của Đức Chúa Trời, thì nếu nó đủ cho một người, nó cũng đủ cho người khác; và nếu một người cần một biểu đồ mới vẽ theo tỷ lệ lớn hơn, thì mọi người đều cần đến nó như nhau.” *Manuscript Releases*, tập 13, trang 359.

Khẳng định rằng lời bà White nhắc đến việc những người theo Miller “công bố rằng thời kỳ tiên tri dài nhất và cuối cùng được trình bày trong Kinh Thánh sắp mãn” là chính xác, vì quả thật họ đã làm vậy. Khẳng định rằng “dài nhất” “thời kỳ tiên tri” là hai nghìn ba trăm năm khiến lời chứng của bà White trở thành mâu thuẫn với chính nó và trái với ghi chép lịch sử. Tin vào chuyện hoang đường đó là tin vào điều dối trá; và trong những ngày sau rốt, những ai chọn tin điều dối trá làm như vậy vì họ không yêu mến lẽ thật.

Chúa Giê-su đã không dùng phép lạ để tự gây tê mình bằng một thứ thuốc gây mê thần linh hầu có thể chịu đựng nỗi thống khổ của thập tự giá. Ngài đã chịu đựng nỗi đau khổ mang tính thần linh, vượt xa mọi điều mà bất cứ tạo vật nào của Ngài có thể gánh chịu. Thế nhưng nhân loại được dựng nên theo hình ảnh Ngài, và mặc khải cho biết rằng con người phải chiến thắng như Ngài đã chiến thắng. Điều khiến Đấng Christ có thể chịu đựng nỗi khổ của thập tự giá là một phẩm chất mà Ngài

có, và loài người cũng có.

Hãy hướng mắt vào Chúa Giê-xu, Đấng khởi đầu và hoàn tất đức tin của chúng ta; Ngài, vì niềm vui được đặt trước mặt mình, đã chịu đựng thập tự giá, coi thường sự hổ nhục, và hiện ngồi bên hữu Ngài của Đức Chúa Trời. Hê-bơ-rơ 12:1.

Chúa Giê-su đã chịu đựng những đau khổ của thập tự giá, vì trước mặt Ngài có một mục tiêu; và chúng ta được tạo dựng theo hình ảnh Ngài, nên là những hữu thể được thúc đẩy bởi mục tiêu. Đó là một phần trong bản chất của chúng ta. Nếu chúng ta bị dẫn dắt để tin rằng việc hiểu những nền tảng của đức tin Phục Lâm là không quan trọng, chúng ta sẽ không có động lực để làm chính điều đó. Động lực duy nhất đến từ Đức Chúa Trời mà Đức Thánh Linh có thể khơi dậy để vượt qua tình trạng Laodicê ấy là lòng yêu mến lẽ thật. Tình yêu lẽ thật sẽ bị thử nghiệm bởi những tập tục và truyền thống dễ dãi, được bày ra để xoa dịu đôi tai ngứa ngáy của chúng ta. Nếu trong sự thoải mái Laodicê của mình, chúng ta không có ước muốn tự mình hiểu biết lẽ thật, chúng ta sẽ bị hư mất. Đây là thực trạng của đức tin Phục Lâm ngày nay.

Đa-ni-ên là một tấm gương cho dân sự của Đức Chúa Trời trong thời sau rốt, những người đang tìm kiếm qua lời tiên tri để hiểu mối liên hệ giữa thời kỳ phụ tù bảy mươi năm và lời tiên tri hai ngàn ba trăm năm. Việc xác định lời tiên tri hai ngàn ba trăm năm là thời kỳ tiên tri dài nhất và sau cùng là chối bỏ những lẽ thật nền tảng của Cơ Đốc Phục Lâm, đồng thời bác bỏ thẩm quyền của Thần Linh của Lời Tiên Tri. Cho rằng thời kỳ tiên tri dài nhất và sau cùng mà phong trào Miller trình bày là hai ngàn ba trăm năm là phủ nhận sử liệu.

"Chúng ta không có gì phải sợ cho tương lai, trừ phi chúng ta quên đường lối Chúa đã dẫn dắt chúng ta và sự dạy dỗ của Ngài trong lịch sử quá khứ của chúng ta." Life Sketches, 196.

Gabriel đến để ban cho Daniel sự hiểu biết về cả hai khái tượng "mareh" và "chazon", và ông dẫn Daniel phải tách bạch hai khái tượng ấy trong tâm trí, dù rõ ràng chúng có mối liên hệ tiên tri. Khái tượng ấy bao gồm các vương quốc trong lời tiên tri Kinh Thánh ở các chương 7 và 8, vốn là sự lặp lại và mở rộng của những vương quốc ấy trong chương 2. Thông tin đó bao gồm cuộc đối thoại trên trời, trong đó một khái tượng được mô tả như sự chà đạp đền thánh của Đức Chúa Trời và dân Ngài, còn khái tượng kia nói về công cuộc khôi phục dân và đền thánh.

Khi Gabriel trình bày lời giải nghĩa, điều rất cuộc trở thành trọng tâm của sứ điệp mà những người Millerite rao giảng, đã có một mối liên hệ giữa hai khái tượng, điều mà những ai tuân theo mệnh lệnh phải tách biệt phần giải nghĩa trong tâm trí cần lưu ý. Một trong những điểm khác biệt được thể hiện qua hai từ đều được dịch là "đã định".

Bảy mươi tuần lễ đã được định cho dân người và cho thành thánh của người: để kết thúc sự vi phạm, để chấm dứt các tội lỗi, để chuộc tội cho gian ác, để đem vào sự công chính đời đời, để đóng ấn sự khôi tượng và lời tiên tri, và để xức dầu cho nơi rất thánh. Vậy hãy biết và hiểu rằng: từ khi có lệnh truyền để khôi phục và xây dựng Giê-ru-sa-lem cho đến Đấng Mê-si-a, Hoàng tử, sẽ có bảy tuần lễ và sáu mươi hai tuần lễ; quảng trường sẽ được xây lại, và cả tường thành nữa, dù trong những thời kỳ khó khăn. Sau sáu mươi hai tuần lễ, Đấng Mê-si-a sẽ bị trừ bỏ, nhưng không phải vì chính Ngài; và dân của vị thủ lãnh sẽ đến sẽ hủy diệt thành và nơi thánh; và sự cuối cùng của nó sẽ đến như một trận lụt, và cho đến khi kết thúc chiến tranh,

những cảnh hoang tàn đã được định. Người ấy sẽ làm vững chắc giao ước với nhiều người trong một tuần lễ; và giữa tuần ấy, người sẽ khiến các sự hy sinh và lễ dâng chấm dứt; và vì sự lan tràn của những điều gớm ghiếc, người sẽ làm cho nó nên hoang tàn, cho đến khi sự hoàn tất đến, và điều đã định sẽ được đổ trên kẻ gây hoang tàn. Đa-ni-ên 9:24-27.

Bảy mươi tuần lễ (bốn trăm chín mươi năm) được ấn định cho dân và thành thánh. Từ được dịch là "được ấn định" có nghĩa là "bị cắt ra", và từ này xác định một giai đoạn hay thời hạn thử thách dành cho người Do Thái và Giê-ru-sa-lem. Nó cũng đại diện cho thời kỳ phản nghịch dẫn đến sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem và cảnh lưu đày bảy mươi năm. Sau đó bốn trăm chín mươi năm được "ấn định", bắt đầu từ sắc lệnh thứ ba. Bốn trăm chín mươi năm đầu tiên của sự phản nghịch đã đưa đến ba cuộc tấn công của Nê-bu-cát-nét-sa, sự hủy diệt cuối cùng của Giê-ru-sa-lem, và sự tan lạc cùng cảnh lưu đày bảy mươi năm của Y-sơ-ra-ên theo nghĩa đen trong Ba-by-lôn theo nghĩa đen.

Sắc lệnh thứ nhất đánh dấu sự kết thúc của thời kỳ lưu đày và khởi đầu công cuộc tái thiết Giê-ru-sa-lem. Sắc lệnh thứ ba đánh dấu sự bắt đầu của hai nghìn ba trăm năm. Sự xuất hiện của thiên sứ thứ nhất đánh dấu sự chấm dứt thời kỳ lưu đày của Israel thuộc linh trong Babylon thuộc linh suốt một nghìn hai trăm sáu mươi năm, và đánh dấu sự khởi đầu của một giai đoạn bốn mươi sáu năm, khi Đấng Christ dùng những người Millerite để ra khỏi cảnh lưu đày và dựng nên một đền thờ thuộc linh.

Từ được dịch hai lần là "determined" trong các câu 26 và 27 là "charats", và nó có nghĩa là "làm bị thương" và "một sắc lệnh". Theo lời tiên tri, đã được "sắc định" rằng chế độ giáo hoàng sẽ nhận một "vết thương" chí tử vào cuối con phần nộ thứ nhất. Đó là cùng một từ mà Đa-ni-ên dùng trong chương mười một, câu ba mươi sáu.

Vua ấy sẽ làm theo ý muốn mình; sẽ tự tôn mình và tự nâng mình lên trên mọi thần, nói những điều lạ lùng chống lại Đức Chúa Trời của các thần, và sẽ thịnh vượng cho đến khi con thịnh nộ được hoàn tất; vì điều đã định ắt sẽ xảy ra. Đa-ni-ên 11:36.

Trong câu ba mươi sáu, "vua" là chế độ giáo hoàng. Chế độ giáo hoàng sẽ thịnh vượng cho đến năm 1798, khi nó nhận "vết thương chí tử". Bấy giờ "con thịnh nộ" thứ nhất sẽ "được hoàn tất", vì "con thịnh nộ" ấy đã "được định" (đã được sắc chỉ) để "được thực hiện". Vào cuối "con thịnh nộ" thứ nhất chống lại vương quốc phía bắc của Israel, bắt đầu vào năm 723 TCN và kết thúc vào năm 1798, chế độ giáo hoàng đã nhận một "vết thương chí tử". Từ "đã định" có nghĩa là "vết thương".

Và tôi thấy một trong các đầu của nó dường như bị thương đến chết; và vết thương chí tử ấy đã được chữa lành; và cả thể gian đều lấy làm lạ mà theo con thú. Khải Huyền 13:3.

Khung thần học về lời tiên tri của phái Millerite dựa trên hai quyền lực gây hoang tàn: ngoại giáo, rồi đến chủ nghĩa giáo hoàng. Họ hiểu rằng hai quyền lực ấy sẽ giày xéo đền thánh và đạo binh, như được mô tả trong Khải tượng "chazon" của Đa-ni-ên chương tám, câu mười ba.

Bấy giờ tôi nghe có một Đấng thánh nói; một Đấng thánh khác nói cùng Đấng thánh đang nói ấy rằng: Sự hiện thấy về việc dâng của lễ hằng ngày, và sự phạm tội làm nên sự hoang vu, sẽ còn đến chừng nào, để cho nơi thánh và đạo binh đều bị giày đạp? Daniel 8:13.

Quyền lực tàn phá của giáo hoàng sẽ giày xéo đền thờ và đạo binh trong một nghìn hai trăm sáu mươi năm.

Nhưng sân ở ngoài đền thờ thì hãy bỏ qua, đừng đo; vì nó đã được giao cho dân ngoại; và họ sẽ giày đạp thành thánh trong bốn mươi hai tháng. Và Ta sẽ ban quyền năng cho hai chứng nhân của Ta, và họ sẽ nói tiên tri một ngàn hai trăm sáu mươi ngày, mặc bao gai. Khải Huyền 11:2, 3.

Vào cuối kỳ phần nộ thứ nhất, năm 1798, lời tiên tri đã định “làm bị thương” giáo quyền La Mã. Trong Đa-ni-ên đoạn chín, sự định đó được trình bày ở hai câu cuối, và từ được dịch hai lần là “đã định” trong các câu ấy gắn với khái tượng “chazon”, còn từ được dịch là “đã định” ở câu hai mươi bốn lại là một từ Hê-bơ-rơ khác và gắn với khái tượng “mareh”. Đa-ni-ên, đại diện cho dân Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt, đang tìm hiểu mối liên hệ giữa hai khái tượng ấy, mà Gáp-ri-ên đã bảo ông phải tách biệt trong tâm trí.

Chúng tôi sẽ tiếp tục chủ đề này trong bài viết tiếp theo.

"Đức Chúa Trời không ban cho chúng ta một sứ điệp mới. Chúng ta phải rao giảng sứ điệp đã đưa chúng ta ra khỏi các giáo hội khác vào những năm 1843 và 1844." Review and Herald, ngày 19 tháng 1 năm 1905.